

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

T T	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức/ kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	A. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	A. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vị trí địa lí nước ta. - Nêu được giới hạn phạm vi lãnh thổ Việt Nam. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với tự nhiên, kinh tế – xã hội và quốc phòng. 	1	1	0	0
2	B. Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam	B.1. Đất nước nhiều đồi núi	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các đặc điểm chung của địa hình nước ta. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình. 	1	1	0	0
		B.2. Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các đặc điểm chung của biển Đông. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được ảnh hưởng của biển Đông đến thiên nhiên nước ta. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được ảnh hưởng của các thiên tai vùng biển đến phát triển kinh tế - xã hội. 	1	1	0	0
		B.3. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được vì sao thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được ảnh hưởng của các thành phần tự nhiên đến các hoạt động đời sống và sản xuất. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được vì sao hoạt động của gió mùa dẫn đến sự phân chia mùa của khí hậu nước ta. 	2	2	3	2

T T	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức/ kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		B.4. Thiên nhiên phân hóa đa dạng	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được biểu hiện sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên Việt Nam. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được nguyên nhân sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên Việt Nam. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được đặc điểm của cảnh quan ba miền tự nhiên ở nước ta. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được đặc điểm cảnh quan ba miền tự nhiên ở nước ta. 	2	1	2	1
3	C. Vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên	C.1. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được sự suy thoái tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, đất. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm, cạn kiệt tài nguyên. 	1	1	0	0
		C.2. Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được chiến lược, chính sách về tài nguyên, môi trường. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các nguyên nhân gây thiên tai và ô nhiễm môi trường ở nước ta. - Trình bày được một số tác động tiêu cực do thiên nhiên gây ra đã phá hoại sản xuất, gây thiệt hại về người và của. 	1	1	0	0
4	D. Kỹ năng	D. Đọc bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam; làm việc với bảng số liệu, biểu đồ	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc được các bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam với nội dung: địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất đai, thực động vật. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh được các đối tượng địa lí trên bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam: quy mô, cơ cấu, đặc điểm. Đọc biểu đồ, xử lí, phân tích số liệu thống kê. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc biểu đồ, xử lí, phân tích và giải thích được số liệu về tự nhiên Việt Nam. 	3	1	1	0
Tổng				12	9	6	3

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức/ kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức			40%	30%	20%	10%	
Tỉ lệ chung			100%				

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I- NH 2022 - 2023
MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng	% tổng điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Số CH	
			Số CH	Số CH	Số CH	Số CH	TN	
1	A. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	A. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ	1	1	0	0	2	6,66
2	B. Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam	B.1. Đất nước nhiều đồi núi	1	1	0	0	2	6,66
		B.2. Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển	1	1	0	0	2	6,66
		B.3. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa	2	2	3	2	9	30
		B.4. Thiên nhiên phân hóa đa dạng	2	1	2	1	6	20
3	C. Vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên	C.1. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên	1	1	0	0	2	6,66
		C.2. Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai	1	1	0	0	2	6,66

3	D. Kỹ năng	D. Đọc bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam; làm việc với bảng số liệu, biểu đồ.	3	1	1	0	5	16,66
Tổng			12	9	6	3	30	10
Tỉ lệ %			40	30	20	10	100	100
Tỉ lệ chung			100					

SỞ GD&ĐT KON TUM
TRƯỜNG THPT DUY TÂN

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I - NĂM HỌC 2022-2023

Môn: Địa lí, Lớp 12

Thời gian làm bài: 45 phút,
không tính thời gian phát đề

Họ và tên học sinh:
Mã số học sinh:

ĐỀ ĐỀ NGHỊ : ...

Câu 1: Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với lãnh thổ nước ta?

- A. Nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới nửa cầu Bắc.
B. Đại bộ phận lãnh thổ nằm trọn trong múi giờ số 8.
C. Nằm trong vùng có khí hậu nhiệt đới gió mùa.
D. Nằm trong vùng chịu ảnh hưởng của gió Mậu dịch.

Câu 2: Thiên nhiên nước ta bốn mùa xanh tươi khác hẳn với các nước có cùng độ vĩ ở Tây Á, châu Phi là nhờ

- A. nước ta nằm hoàn toàn ở trong vùng nội chí tuyến.
B. nước ta nằm ở trung tâm của khu vực Đông Nam Á.
C. nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp của nhiều hệ thống tự nhiên.
D. nước ta tiếp giáp Biển Đông với đường bờ biển trải dài.

Câu 3: Tính chất bất đối xứng giữa hai sườn Đông - Tây là đặc điểm nổi bật của vùng núi

- A. Trường Sơn Bắc. **B.** Trường Sơn Nam. C. Tây Bắc. D. Đông Bắc

Câu 4: Điểm **giống nhau** giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long là

- A. có hệ thống đê sông và đê biển. **B.** do phù sa sông ngòi bồi tụ tạo nên.
C. có nhiều sông ngòi, kênh rạch. **D.** đều có diện tích hơn 40.000 km².

Câu 5: Nhận định nào sau đây **không đúng** về hệ sinh thái rừng ngập mặn nước ta?

- A. Cho năng suất sinh học cao. **B.** Có nhiều loài gỗ quý.
C. Giàu tài nguyên sinh vật. **D.** Tập trung ở ven biển.

Câu 6: Biên độ nhiệt năm ở phía Bắc cao hơn ở phía Nam, chủ yếu là do phía Bắc

- A.** có một mùa đông lạnh. **B.** có gió phơn Tây Nam.
C. nằm gần chí tuyến hơn. **D.** có địa hình cao hơn.

Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Bắc?

- A.** Đông Bắc Bộ. B. Tây Nguyên. C. Nam Trung Bộ. D. Nam Bộ.

Câu 8: Nguyên nhân chính làm phân hóa thiên nhiên theo vĩ độ (Bắc – Nam) là sự phân hóa của

- A. sinh vật **B.** khí hậu C. địa hình D. đất đai

Câu 9: Phần lãnh thổ phía Bắc (16⁰Bắc ra Bắc) có đặc điểm khí hậu là

- A. xích đạo gió mùa, có mùa đông lạnh. **B.** nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.
C. cận xích đạo gió mùa, có mùa đông lạnh. **D.** cận nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh.

Câu 10: Ở phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy Bạch Mã trở vào), nơi xuất hiện loại rừng thưa nhiệt đới khô nhiều nhất là

A. Đông Nam Bộ.

B. Cực Nam Trung Bộ.

C. Vùng ven biển miền Trung.

D. Tây Nguyên.

Câu 11: Các đảo ven bờ nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển

A. đánh bắt cá và hoạt động du lịch.

B. khai thác khoáng sản và vận tải.

C. trồng cây lương thực và rau quả.

D. nuôi các gia súc lớn và gia cầm.

Câu 12: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 28, cho biết vịnh nào sau đây nằm ở phía nam vịnh Cam Ranh?

A. Vịnh Quy Nhơn. B. Vịnh Xuân Đài.

C. Vịnh Phan Rí.

D. Vịnh Vân Phong.

Câu 13: Mùa khô ở miền Bắc nước ta không sâu sắc như ở miền Nam là do ở đây có

A. sương muối. B. mưa phùn.

C. gió lạnh.

D. tuyết rơi.

Câu 14: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Tây Bắc Bộ?

A. Sa Pa.

B. Thanh Hóa.

C. Điện Biên Phủ.

D. Lạng Sơn.

Câu 15: Sự đối lập về mùa mưa và mùa khô giữa Tây Nguyên và sườn Đông Trường Sơn chủ yếu do tác động kết hợp của

A. gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc và hai sườn dãy núi Trường Sơn.

B. các gió hướng tây nam nóng ẩm và địa hình núi, cao nguyên, đồng bằng.

C. địa hình núi đồi, cao nguyên và các hướng gió thổi qua biển trong năm.

D. dãy núi Trường Sơn và các loại gió hướng tây nam, gió hướng đông bắc.

Câu 16: Thời kì chuyển tiếp hoạt động giữa gió mùa Đông Bắc và Tây Nam là thời kì hoạt động mạnh của

A. gió mùa mùa đông.

B. gió mùa mùa hạ.

C. gió Mậu dịch.

D. gió địa phương.

Câu 17: Trong khi miền Bắc chịu tác động của gió mùa Đông Bắc thì miền Nam chịu tác động của

A. tín phong bán cầu Nam.

B. tín phong bán cầu Bắc.

C. gió Tây khô nóng.

D. gió mùa Tây Nam.

Câu 18: Gió Tây Nam hoạt động trong thời kì đầu mùa hạ ở nước ta có nguồn gốc từ

A. khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương.

B. khối khí chí tuyến Bán cầu Nam.

C. khối khí nhiệt đới Bắc Thái Bình Dương.

D. khối khí chí tuyến Bán cầu Bắc.

Câu 19: Điểm nào sau đây **không đúng** với chế độ nước của sông ngòi nước ta?

A. Chế độ dòng chảy diễn biến thất thường.

B. Đỉnh lũ theo sát tháng mưa cực đại.

C. Mùa cạn tương ứng với gió mùa mùa hạ.

D. Nhịp điệu dòng chảy theo sát nhịp điệu mưa.

Câu 20: Dựa vào atlas Địa lý Việt Nam hãy cho biết bão ở nước ta tập trung nhiều nhất vào tháng

A. XI.

B. X.

C. VII.

D. IX.

Câu 21: Hệ quả của quá trình xâm thực mạnh ở miền đồi núi đối với sông ngòi nước ta là

A. tạo dòng chảy mạnh.

B. có nhiều phụ lưu lớn.

C. tổng lượng cát bùn lớn.

D. tốc độ bào mòn rất nhỏ.

Câu 22: Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là

A. rừng thưa nhiệt đới khô rụng lá theo mùa.

B. rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.

C. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

D. rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.

Câu 23: Đất feralit ở nước ta thường bị chua vì nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. Quá trình phong hóa diễn ra mạnh.

B. Quá trình tích tụ ôxít sắt Fe_2O_3 .

C. Mưa nhiều, rửa trôi các chất bazo.

D. Quá trình tích tụ ôxít nhôm Al_2O_3 .

Câu 24: Nam Bộ có mưa nhiều vào mùa hạ chủ yếu do tác động của

A. gió mùa Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc, bão, dải hội tụ, áp thấp nhiệt đới.

B. bão, dải hội tụ và áp thấp nhiệt đới, gió mùa Tây Nam và gió phơn Tây Nam.

C. gió Tây Nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, Tín phong bán cầu Bắc và dải hội tụ.

D. gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới, gió Tây Nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

Câu 25: Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam (trang 12), cho biết vườn quốc gia Côn Đảo trực thuộc tỉnh (thành phố) nào của nước ta?

A. Bà Rịa – Vũng Tàu.

B. Thành phố Hồ Chí Minh.

C. Cà Mau.

D. Sóc Trăng.

Câu 26: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết so với trạm khí tượng Cà Mau, trạm Lạng Sơn có đặc điểm khí hậu nào khác biệt?

- A. Tổng lượng mưa năm lớn hơn. B. Thời gian mùa mưa kéo dài hơn.
C. Biên độ nhiệt độ năm lớn hơn. D. Nhiệt độ trung bình năm lớn hơn.

Câu 27: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây **không** thuộc lưu vực hệ thống sông Hồng?

- A. Lô. **B. Cầu.** C. Gâm. D. Đà.

Câu 28: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết lưu lượng nước trung bình lớn nhất của sông Hồng (trạm Hà Nội) vào thời gian nào sau đây?

- A. Tháng 9. B. Tháng 7. **C. Tháng 8.** D. Tháng 6.

Câu 29: Biện pháp bảo vệ nào sau đây được thực hiện với cả ba loại rừng ở nước ta?

- A. Trồng rừng trên đất trống, đồi trọc.
B. Duy trì phát triển độ phì và chất lượng rừng.
C. Bảo vệ đa dạng sinh vật của các vườn quốc gia.
D. Giao quyền sử dụng đất và bảo vệ rừng cho người dân.

Câu 30: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ HUẾ (Đơn vị: °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
Huế	19,7	20,9	23,2	26,0	28,0	29,2	29,4	28,8	27,0	25,1	23,2	20,8

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về nhiệt độ của Hà Nội và Huế?

- A. Nhiệt độ trung bình tháng VII ở Hà Nội thấp hơn Huế.
B. Cả hai địa điểm đều có nhiệt độ cao nhất vào tháng VII.
C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm ở Hà Nội thấp hơn Huế.
D. Nhiệt độ trung bình tháng I ở Huế cao hơn Hà Nội.

.....**HẾT**.....

Kon Tum, ngày 10 /12/2022

Duyệt của BGH

Duyệt của TCM

GV ra đề

Võ Thị Phúc

Nguyễn Thị Bích Quy